

Bản án số: 239/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Tuyền.
2. Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè – Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 554/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Dương T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 70 Ấp 4, xã L, huyện B, Thành phố H.

(Có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1988, là bị đơn.

Địa chỉ: 70 Ấp 4, xã L, huyện B, Thành phố H.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 9 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông Phạm Dương T là nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Dương T và bà Phạm Thị V tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố H cấp ngày 08/4/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, mỗi lần vợ chồng cãi nhau, bà V bỏ nhà đi vài ba ngày mới trở về.

Từ tháng 02 năm 2014 bà V bỏ nhà đi đâu không rõ, ông T đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức. Tháng 11 năm 2017, ông T nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị V mất tích, sau khi có quyết định tuyên bố bà Phạm Thị V mất tích đến nay vẫn không có tin tức gì của bà V.

Nay, ông T xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Phạm Thị V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có một người con chung tên Phạm Thị Quỳnh A, sinh ngày 24/9/2008, hiện trẻ Quỳnh A đang sống với ông T; ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn bà Phạm Thị V được tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 80/2018/QDDs-ST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Đối với bị đơn bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Tòa án xét xử vắng mặt bà V là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn với bà Phạm Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 28 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố H cấp ngày 08/4/2008 thì ông Phạm Dương T và bà Phạm Thị V có quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà Phạm Thị V cư trú tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông T có đơn xin ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị V đã được tuyên bố mất tích (theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 80/2018/QDDs-ST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh) và đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nhưng bà V vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên nhân ông Phạm Dương T xin ly hôn bà Phạm Thị V là do trong cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà V phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, mỗi lần vợ chồng cãi nhau, bà V bỏ nhà đi vài ba ngày mới trở về. Từ tháng 02 năm 2014, bà V bỏ nhà đi đâu không rõ, ông T đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức. Tháng 11 năm 2017, ông T nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị V mất tích, sau khi có quyết định của Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị V mất tích đến nay vẫn không có tin tức gì của bà V.

Hội đồng xét xử nhận định: Cuộc sống vợ chồng giữa ông Phạm Dương T và bà Phạm Thị V không hoà thuận, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, sau khi vợ chồng cãi nhau thì bà V bỏ nhà đi biệt tích đến nay. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được khi bà V cố tình bỏ nhà đi không cho ông T biết thông tin gì.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà V là có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Dương T đối với bà Phạm Thị V.

Về con chung: Ông T và bà V có một người con chung tên Phạm Thị Quỳnh A, sinh ngày 24/9/2008; ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét: Hiện trẻ Quỳnh A đang sống chung với ông T, bà V bỏ nhà đi biệt tích, không quan tâm chăm sóc đến con chung; Do đó, tiếp tục giao trẻ Quỳnh A cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Ghi nhận ông T không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Dương T xác định không có. Nếu sau này bà Phạm Thị V có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Phạm Dương T nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Phạm Thị V.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Dương T được ly hôn với bà Phạm Thị V.

Về con chung: Giao trẻ Phạm Thị Quỳnh A, sinh ngày 24/9/2008 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận ông T không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Dương T xác định không có. Nếu sau này bà Phạm Thị V có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Phạm Dương T nộp, được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033504 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Dương T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bà Phạm Thị V được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.huyện Nhà Bè;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Lựu

